

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2024/HN-ST**

Ngày: 19/06/2024.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhắc
2. Bà Trần Thị Sầm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia
phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 06 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày
Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2024/TLST-
HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 05
năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2024/QĐST-HN ngày 07 tháng 06 năm
2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm P**, sinh năm 1982; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: số 12, ấp Thị, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu D**, sinh năm 1978; (Vắng mặt)
Địa chỉ: **ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên
đơn chị **Nguyễn Thị Cẩm P** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh **D** do tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên chồng tại ấp T, xã H.

Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh **D** việc gì cũng nghe lời mẹ chồng, mẹ chồng khắt khe với con dâu, chị thấy cuộc sống hôn nhân mệt mỏi, ngột ngạt. Chị đã nói với anh **D** nhiều lần về vấn đề này nhưng anh **D** không có hướng khắc phục, làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau nên chị xin ly hôn với anh **D**.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 16/12/2005 và Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 15/12/2011. Khi ly hôn, con **K** đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Khánh T, chị **P** đồng ý anh **D** nuôi dưỡng và chị **P** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 07/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Chị **P** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh **D** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt chị **P**, anh **D**.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **P**.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 16/12/2005 và Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 15/12/2011. Đối với cháu Khánh N đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Khánh T khi ly hôn giao cho anh **D** được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị **P** tự nguyện cấp dưỡng

nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 07/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Cẩm P**, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Cẩm P** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh **Nguyễn Hữu D** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **P**, anh **D**.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị **Nguyễn Thị Cẩm P** và anh **Nguyễn Hữu D** là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị **P** yêu cầu được ly hôn với anh **D**. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do mẹ chồng sống khắt khe với chị, chị đã nói vấn đề này với anh **D** nhưng anh **D** không có hướng giải quyết, anh **D** chỉ nghe theo lời mẹ nên làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn với nhau nên chị xin ly hôn với anh **D**.

Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi anh **D** sống thì địa phương xác định không biết được mâu thuẫn giữa vợ chồng chị **P**, anh **D**. Khi xác minh với bà **Trần Thu T1** là dì của anh **D** thì bà cung cấp thông tin: Trong thời gian chung sống chị **P** và anh **D** có cự cãi với nhau về vấn đề tiền bạc, sau đó chị **P** đã bỏ nhà đi

khoảng một năm sáu tháng, không có về thăm nhà. Hôn nhân của chị **P**, anh **D** đã được hàn gắn nhiều lần nhưng không thành.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị **P** và anh **D** là có thật, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau về vấn đề kinh tế, mâu thuẫn giữa chị **P** và mẹ chồng. Anh Duy, chị **P** không có hướng khắc phục làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh, chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương và tin tưởng lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập anh **D** nhiều lần đến Tòa để hòa giải với chị **P** nhưng anh **D** không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh anh **D** cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **P** đối với anh **D** là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị **P** và anh **D** có 02 con chung cháu **Nguyễn Trần Khánh N**, sinh ngày 16/12/2005 và cháu **Nguyễn Trần Khánh T**, sinh ngày 15/12/2011. Đối với cháu **Khánh N** đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu **Khánh T** khi ly hôn chị **P** đồng ý để anh **D** nuôi con. Anh **D** không có ý kiến về con chung. Hiện nay, cháu **T** sống với anh **D** nhưng anh **D** không đồng ý để Tòa án lấy ý kiến cháu nên Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của cháu **T** khi cha, mẹ ly hôn. Thấy rằng, từ khi chị **P** và anh **D** ly thân cháu **T** vẫn sống với anh **D** có cuộc sống ổn định, có môi trường phát triển bình thường nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, ổn định của con chung khi ly hôn cần giao cháu **T** cho anh **D** được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị **P** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 07/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị **P** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh **D** không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị **P** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh **D** không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, chị P phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm P.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Cẩm P1 được ly hôn với anh Nguyễn Hữu D.

2. Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 16/12/2005 và Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 15/12/2011.

Đối với cháu Nguyễn Trần Khánh N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Trần Khánh T khi ly hôn giao cho anh Nguyễn Hữu D được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Cẩm P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 07/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Cẩm P trình bày không có, anh Nguyễn Hữu D không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Cẩm P trình bày không có, anh Nguyễn Hữu D không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Cẩm P phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003929 ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yên